

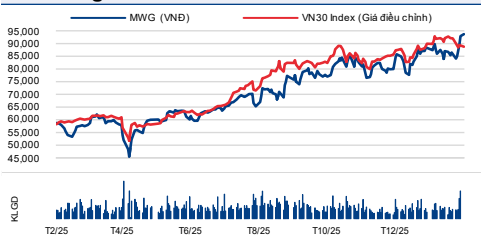
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ99,500
Tiềm năng tăng/giảm: 6.2%

Giá cổ phiếu (đồng) (2/2/2026)	93,700
Mã Bloomberg	MWG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	45,593-93,700
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	92,033
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	138,531
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	5,323
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,478
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	724
Slg CP NN được mua (tr.đv)	39.3
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	46.3%
Tỷ lệ freefloat	60.7%
Cổ đông lớn	in Đầu tư Thế Giới Ba (10.4%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	134,341	154,980	179,610
EBITDA đc (tỷ đồng)	6,997	9,012	10,544
LNTT (tỷ đồng)	4,826	8,227	10,082
LNT ĐC (tỷ đồng)	3,722	6,571	7,958
FCF (tỷ đồng)	8,214	7,582	6,323
EPS ĐC (đồng)	2,546	4,463	5,309
DPS (đồng)	500	1,000	1,000
BVPS (đồng)	18,993	22,330	26,450
T.trưởng EBITDA (%)	84.7	28.8	17.0
T.trưởng EPS ĐC (%)	2,121	75.3	18.9
Tăng trưởng DPS (%)	nm	100	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	5.21	5.81	5.87
Tỷ suất LNTT (%)	3.59	5.31	5.61
Tỷ suất LNT ĐC (%)	2.77	4.24	4.43
Tỷ lệ LN trả CT (%)	19.6	22.4	18.8
Nợ thuần/VCSH (%)	78.2	65.4	46.2
ROAE (%)	14.6	21.6	21.9
ROACE (%)	14.2	21.7	22.0
EV/doanh thu (lần)	1.18	1.03	0.88
EV/EBITDA ĐC (lần)	22.7	17.8	15.1
P/E ĐC (lần)	36.8	21.0	17.6
P/B (lần)	4.93	4.20	3.54
Lợi suất cổ tức (%)	0.53	1.07	1.07

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

MWG là nhà bán lẻ điện thoại di động, điện máy và bách hóa hàng đầu ở Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

Huỳnh Phương Bảo Khánh

Chuyên viên, Ngành Hàng Tiêu Dùng
khanh.hpb@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 369

Q4/2025: Lợi nhuận vững chắc và vượt dự báo

- MWG công bố KQKD Q4/2025 tích cực với doanh thu thuần hợp nhất tăng 24% so với cùng kỳ (và tăng 8% so với quý trước) đạt 42,9 nghìn tỷ đồng, cao hơn 4% so với dự báo của HSC. Lợi nhuận thuần đạt 2,1 nghìn tỷ đồng, tăng 145% so với cùng kỳ (tăng 17% so với quý trước) và cao hơn 28% so với kỳ vọng.
- Chuỗi bán lẻ điện máy TGDĐ/ĐMX tăng trưởng vượt mức bình quân của toàn ngành với sự bứt phá trên diện rộng ở các mặt hàng chủ chốt. Đồng thời tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu giảm mạnh cũng hỗ trợ lợi nhuận thuần. Chuỗi bách hóa BHX tiếp tục có chuyển biến tích cực với mức đóng góp lợi nhuận đáng kể nhờ cải thiện hiệu quả hoạt động.
- Chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu. MWG đang giao dịch với P/E dự phóng 12 tháng tới là 17,4 lần, sát với bình quân từ tháng 2/2023 ở mức 17,1 lần.

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2025

KQKD Q4/2025 của MWG tích cực và cao hơn so với dự báo của HSC. Doanh thu thuần hợp nhất tăng 23,9% so với cùng kỳ đạt 42,9 nghìn tỷ đồng, cao hơn khoảng 4% so với dự báo của chúng tôi ở mức 41,4 nghìn tỷ đồng. Lợi nhuận thuần đạt 2,1 nghìn tỷ đồng, tăng 145% so với cùng kỳ, cao hơn 28% so với dự báo của chúng tôi ở mức 1,6 nghìn tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận gộp giảm nhẹ so với cùng kỳ xuống 18,8% (so với 19,1% trong Q4/2024), nhưng sự cải thiện của tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu (giảm xuống 14% từ 17,5% trong Q4/2024) đã bù đắp hoàn toàn cho mức sụt giảm này, phản ánh nỗ lực của công ty trong việc tối ưu hóa hệ thống cửa hàng và kiểm soát chi phí chặt chẽ hơn.

Trong năm 2025, doanh thu thuần đạt 156,5 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 16% và hoàn thành 101% dự báo cho cả năm của chúng tôi ở mức 155 nghìn tỷ đồng trong khi lợi nhuận thuần đạt 7 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 89% và hoàn thành 107% dự báo cho cả năm của chúng tôi ở mức 6,3 nghìn tỷ đồng.

Chuỗi bán lẻ điện máy TGDĐ/ĐMX: Tăng trưởng vững chắc và tỷ suất lợi nhuận tăng mạnh; vượt dự báo

Doanh thu thuần Q4/2025 của chuỗi bán lẻ điện máy TGDĐ/ĐMX (bao gồm AvaKids, chuỗi bán sản phẩm dành riêng cho mẹ và bé) tăng 28% so với cùng kỳ (tăng 8% so với quý trước) đạt 29,6 nghìn tỷ đồng, cao hơn khoảng 4% so với dự báo 28,5 nghìn tỷ đồng. Lợi nhuận thuần đạt 1,81 nghìn tỷ đồng, tăng 144% so với cùng kỳ (tăng 16,6% so với quý trước), cao hơn 27% so với dự báo của chúng tôi. KQKD trong quý phản ánh:

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 3/2.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/2025 và cả năm 2025 hợp nhất, MWG

Tỷ đồng	Q4/25	So với cùng kỳ	Q4/25F	% Q4/25 HSCF	2025	Tăng trưởng	2025F	% 2025 HSCF
Doanh thu thuần	42,850	24%	41,373	104%	156,458	16%	154,980	101%
Lợi nhuận gộp	8,046	22%	7,860	104%	30,294	10%	30,107	101%
Chi phí BH&QL	(6,003)	-1%	(6,229)	104%	(23,215)	-1%	(23,442)	99%
Lợi nhuận tài chính	446	0%	449	104%	1,565	32%	1,568	100%
LNTT	2,501	142%	3,238	104%	8,636	79%	8,227	105%
LNTT	2,086	145%	1,626	128%	7,076	90%	6,606	107%
Lợi nhuận thuần	2,072	145%	1,614	128%	7,037	89%	6,571	107%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	18.8%				19.4%		19.4%	
Chi phí BH&QL / doanh thu	-14.0%				-14.8%		-15.1%	
Tỷ suất lợi nhuận thuần	4.8%		3.9%		4.5%		4.2%	

Nguồn: MWG, HSC ước tính

- Mức tăng trưởng vượt trội so với thị trường điện máy: Mức tăng trưởng doanh thu 28% cao hơn mức bình quân của toàn ngành (khoảng 18-20%), với hầu hết các mặt hàng duy trì mức tăng trưởng hai chữ số (10-50%). Các mặt hàng dẫn đầu là điện thoại di động, máy tính bảng và đồ gia dụng nhỏ.
- Chiến lược tập trung vào "Chất lượng thay vì Quy mô": Chuỗi bán lẻ điện máy TGDĐ/ĐMX tiếp tục tối ưu hóa cấu trúc chi phí và nâng cao năng suất trên mỗi cửa hàng, đồng thời xem xét đóng cửa các cửa hàng kém hiệu quả. (Công ty đã đóng cửa 11 cửa hàng trong quý).
- Chiến lược khuyến mãi và tài chính tinh gọn, với các chương trình khuyến mãi theo mùa và theo mặt hàng cùng với các giải pháp trả góp linh hoạt, đã hỗ trợ kích cầu mà không làm xói mòn tỷ suất lợi nhuận.
- Trong Q4/2025, doanh thu trả góp đóng góp hơn 35% tổng doanh thu.

Nhờ đó, tỷ suất lợi nhuận thuần Q4/2025 của chuỗi bán lẻ điện máy TGDĐ/ĐMX cải thiện lên 6,1% (từ 3,2% trong Q4/2024 và 5,7% trong Q3/2025), chủ yếu nhờ giảm tỷ lệ chi phí vận hành/doanh thu và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống cửa hàng hiện hữu.

Chuỗi BHX: Lợi nhuận bứt phá và tăng tốc mở rộng hệ thống trên toàn quốc; vượt dự báo

BHX tiếp tục ghi nhận KQKD vững chắc. Trong Q4/2025, chuỗi ghi nhận 12,5 nghìn tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 16% so với cùng kỳ (tăng 5% so với quý trước) và cao hơn 3% so với dự báo. Lợi nhuận thuần đạt 296 tỷ đồng, tăng hơn 3 lần so với cùng kỳ (và tăng 16% so với quý trước) và cao hơn 38% so với dự báo. Tính chung cả năm 2025, BHX ghi nhận 755 tỷ đồng lợi nhuận thuần, so với 97 tỷ đồng trong năm 2024 (tăng trưởng gấp 7 lần), cao hơn 10% so với dự báo cho cả năm của chúng tôi. Kết quả này khẳng định bước chuyển mình thành công sang giai đoạn tăng trưởng lợi nhuận của chuỗi.

Các động lực tăng trưởng chính bao gồm:

- Mở rộng nhanh nhưng có kỷ luật: BHX đã mở thêm 269 cửa hàng mới trong Q4/2025 và tổng cộng 789 cửa hàng mới trong cả năm 2025. Gần 50% số cửa hàng mới tập trung tại khu vực miền Trung, đồng thời chuỗi đã chính thức tiến vào thị trường miền Bắc vào cuối tháng 11/2025.
- Hiệu quả hoạt động và tối ưu hóa chi phí: BLĐ tiếp tục tối ưu hóa chi phí hoạt động tại cửa hàng, giảm tỷ lệ hao hụt và cắt giảm chi phí logistics (chiếm 3%/doanh thu trong Q4/2025 so với mức 4-4,5% trong Q4/2024).
- Nâng cao chất lượng sản phẩm và trải nghiệm của khách hàng: BHX tập trung nâng cấp chất lượng thực phẩm tươi sống và trải nghiệm tại cửa hàng, giúp giữ chân khách hàng cũ và thu hút khách hàng mới tại các khu vực mới mở cửa hàng.
- Doanh thu online tăng mạnh 150% so với cùng kỳ lên 2.300 tỷ đồng, đóng góp 5% vào tổng doanh thu của chuỗi.

Tỷ suất lợi nhuận gộp Q4/2025 của BHX giảm nhẹ xuống 23,8% (từ 24,9% trong Q4/2024), nhưng việc cắt giảm chi phí đã giúp tỷ suất lợi nhuận thuần của chuỗi cải thiện đáng kể lên 2,4% từ 0,9% trong Q4/2024.

Chuỗi nhà thuốc An Khang: Lợi nhuận tiếp tục cải thiện

Doanh thu thuần trong Q4/2025 của chuỗi nhà thuốc An Khang đạt 644 tỷ đồng (tăng 21% so với cùng kỳ) với 56 cửa hàng được mở mới, nhưng vẫn còn lỗ 28 tỷ đồng. Chuỗi đã đạt mức EBITDA dương tại cửa hàng và đang tiến dần đến điểm hòa vốn. Tính chung cả năm 2025, doanh thu thuần đạt 2.155 tỷ đồng, giảm 6% so với cùng kỳ và sát với dự báo của HSC ở mức 2.182 tỷ đồng. Lỗ thuần đã thu hẹp xuống còn 113 tỷ đồng từ mức lỗ 349 tỷ đồng trong năm 2024.

Chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

MWG đang giao dịch với P/E dự phóng 12 tháng tới ở mức hợp lý là 17,4 lần, sát với bình quân từ tháng 2/2023 ở mức 17,1 lần.

Bảng 2: KQKD Q4/2025 và cả năm 2025 theo các mảng kinh doanh, MWG

Tỷ đồng	Q4/24	Q4/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	Q4/25F	% Q4/25 HSCF	2024	2025	Tăng trưởng	2025F	% 2025 HSCF
Doanh thu thuần	34,574	42,850	24%	8%	41,373	104%	134,341	156,458	16%	154,980	101%
TGDĐ/ĐMX	23,191	29,608	28%	8%	28,505	104%	90,799	107,219	18%	106,237	101%
BHX	10,759	12,481	16%	5%	12,144	103%	41,083	46,899	14%	46,561	101%
An Khang	532	644	21%	24%	661	97%	2,272	2,165	-5%	2,182	99%
LNST	852	2,086	145%	17%	1,638	127%	3,733	7,076	90%	6,606	107%
TGDĐ/ĐMX	742	1,812	144%	17%	1,431	127%	4,104	6,406	56%	5,996	107%
BHX	94	296	214%	16%	215	138%	97	755	677%	686	110%
An Khang	(17)	(28)	62%	0%	(20)	139%	(349)	(113)	-68%	(102)	110%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	2.5%	4.9%			4.0%		2.8%	4.5%		4.3%	
TGDĐ/ĐMX	3.2%	6.1%			5.0%		4.5%	6.0%		5.6%	
BHX	0.9%	2.4%			1.8%		0.2%	1.6%		1.5%	
An Khang	-3.2%	-4.3%			-3.0%		-15.3%	-5.2%		-4.7%	

Nguồn: MWG, HSC ước tính

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	118,280	134,341	154,980	179,610	207,305
Lợi nhuận gộp	22,521	27,499	30,107	35,072	41,042
Chi phí BH&QL	(22,114)	(23,416)	(23,442)	(26,979)	(30,833)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	407	4,084	6,665	8,092	10,210
Lãi vay thuần	611	1,188	1,568	1,978	2,308
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	(44.6)	30.7	69.1	126
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	(328)	(401)	(36.7)	(56.9)	(56.9)
LNTT	690	4,826	8,227	10,082	12,586
Chi phí thuế TNDN	(522)	(1,092)	(1,621)	(2,072)	(2,542)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.16)	(11.4)	(34.4)	(52.5)	(95.7)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	168	3,722	6,571	7,958	9,949
Lợi nhuận thuần ĐC	168	3,722	6,571	7,958	9,949
EBITDA ĐC	3,788	6,997	9,012	10,544	11,721
EPS (đồng)	115	2,546	4,463	5,309	6,539
EPS ĐC (đồng)	115	2,546	4,463	5,309	6,539
DPS (đồng)	0	500	1,000	1,000	1,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	1,463	1,462	1,472	1,499	1,521
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	1,462	1,461	1,479	1,501	1,523
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,462	1,461	1,479	1,501	1,523

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	5,366	5,697	7,236	10,517	13,660
Đầu tư ngắn hạn	18,937	28,524	33,524	37,524	41,524
Phải thu khách hàng	5,159	8,764	11,190	11,713	13,300
Hàng tồn kho	21,824	22,245	24,796	27,711	30,733
Các tài sản ngắn hạn khác	661	544	592	696	813
Tổng tài sản ngắn hạn	51,947	65,774	77,338	88,161	100,031
TSCĐ hữu hình	6,431	3,523	2,331	1,220	1,357
TSCĐ vô hình	68.8	63.5	63.9	64.2	64.1
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	460	0	1,267	1,267	1,267
Đầu tư vào Cty LD,LK	287	242	273	342	468
Tài sản dài hạn khác	914	616	851	941	1,024
Tổng tài sản dài hạn	8,161	4,445	4,786	3,834	4,181
Tổng cộng tài sản	60,108	70,219	82,124	91,995	104,211
Nợ ngắn hạn	19,129	27,300	28,706	28,706	28,706
Phải trả người bán	7,927	9,138	12,362	14,311	16,464
Nợ ngắn hạn khác	3,199	5,034	6,794	7,853	9,022
Tổng nợ ngắn hạn	30,762	42,097	48,708	51,848	55,318
Nợ dài hạn	5,985	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	1.17	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0	0	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	5,986	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả	36,748	42,097	48,708	51,848	55,318
Vốn chủ sở hữu	23,346	27,758	33,017	39,696	48,347
Lợi ích cổ đông thiểu số	13.4	364	398	451	547
Tổng vốn chủ sở hữu	23,360	28,122	33,416	40,147	48,893
Tổng nợ phải trả và VCSH	60,108	70,219	82,124	91,995	104,211
BVPS (đ)	15,964	18,993	22,330	26,450	31,738
Nợ thuần*/(tiền mặt)	19,748	21,603	21,470	18,189	15,046

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	407	4,084	6,665	8,092	10,210
Khấu hao	(3,381)	(2,913)	(2,347)	(2,452)	(1,512)
Lãi vay thuần	611	1,188	1,568	1,978	2,308
Thuế TNDN đã nộp	(862)	(959)	(1,909)	(2,186)	(2,668)
Thay đổi vốn lưu động	1,836	3,224	1,893	(402)	(256)
Khác	(1,937)	(1,932)	(1,827)	(2,269)	(2,524)
LCT thuần từ HKKD	3,436	8,517	8,737	7,664	8,581
Đầu tư TS dài hạn	(523)	(304)	(1,155)	(1,341)	(1,649)
Góp vốn & đầu tư	(34,257)	(46,828)	(8,140)	(4,069)	(5,126)
Thanh lý	22,836	33,813	0	0	0
Khác	1,113	2,376	1,995	2,306	2,635
LCT thuần từ HĐĐT	(10,831)	(10,943)	(7,300)	(3,104)	(4,140)
Cổ tức trả cho CSH	(731)	(731)	(1,479)	(1,501)	(1,523)
Thu từ phát hành CP	(9.34)	1,762	174	222	225
Tăng/giảm nợ	8,440	1,726	1,405	0	0
Khác	-	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	7,700	2,757	101	(1,279)	(1,298)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	5,061	5,366	5,697	7,236	10,517
LCT thuần trong kỳ	304	332	1,538	3,281	3,143
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.37	0.10	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	5,366	5,697	7,236	10,517	13,660
Dòng tiền tự do	2,913	8,214	7,582	6,323	6,932

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	19.0	20.5	19.4	19.5	19.8
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	3.20	5.21	5.81	5.87	5.65
Tỷ suất LNT (%)	0.14	2.77	4.24	4.43	4.80
Thuế TNDN hiện hành (%)	75.7	22.6	19.7	20.6	20.2
Tăng trưởng doanh thu (%)	(11.3)	13.6	15.4	15.9	15.4
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(63.0)	84.7	28.8	17.0	11.2
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(95.9)	2,120	76.6	21.1	25.0
Tăng trưởng EPS (%)	(95.9)	2,121	75.3	18.9	23.2
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(95.9)	2,121	75.3	18.9	23.2
Tăng trưởng DPS (%)	(100)	nm	100	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	19.6	22.4	18.8	15.3
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	0.71	14.6	21.6	21.9	22.6
ROACE (%)	1.38	14.2	21.7	22.0	22.9
Vòng quay tài sản (lần)	2.04	2.06	2.03	2.06	2.11
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	8.44	2.09	1.31	0.95	0.84
Số ngày tồn kho	83.2	76.0	72.5	70.0	67.5
Số ngày phải thu	19.7	29.9	32.7	29.6	29.2
Số ngày phải trả	30.2	31.2	36.1	36.1	36.1
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	85.0	78.2	65.4	46.2	31.5
Nợ/tài sản (%)	41.9	39.0	35.1	31.4	27.7
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	6.65	3.91	3.20	2.74	2.46
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.69	1.56	1.59	1.70	1.81
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.33	1.18	1.03	0.88	0.76
EV/EBITDA ĐC (lần)	41.4	22.7	17.8	15.1	13.5
P/E (lần)	817	36.8	21.0	17.6	14.3
P/E ĐC (lần)	817	36.8	21.0	17.6	14.3
P/B (lần)	5.87	4.93	4.20	3.54	2.95
Lợi suất cổ tức (%)	0	0.53	1.07	1.07	1.07

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn